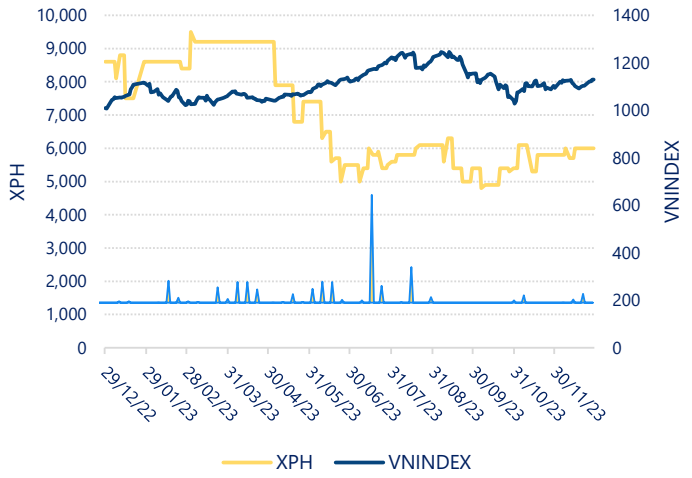
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	6,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.4%	11.1%	9.1%

Lịch sử giá



2023

DT thuần

36.3

tỷ VNĐ

YoY
▼ 10.7
▼ 22.7%

2023

LN gộp

6.31

tỷ VNĐ

YoY
▼ 3.48
▼ 35.5%

2023

LN thuần

-17.9

tỷ VNĐ

YoY
▼ 11.3
▼ 169%

2023

LN sau thuế

-18.5

tỷ VNĐ

YoY
▼ 11.6
▼ 169%

2023

ROE

-11.5%

+/- YoY
▼ 7.6%

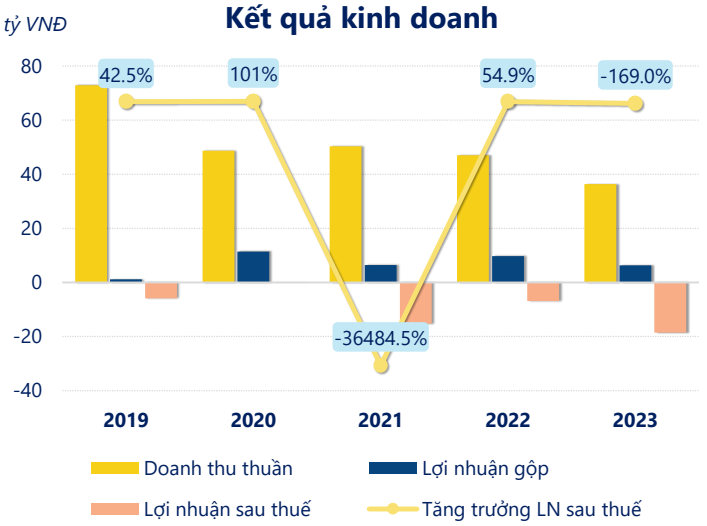
2023

ROA

-11.2%

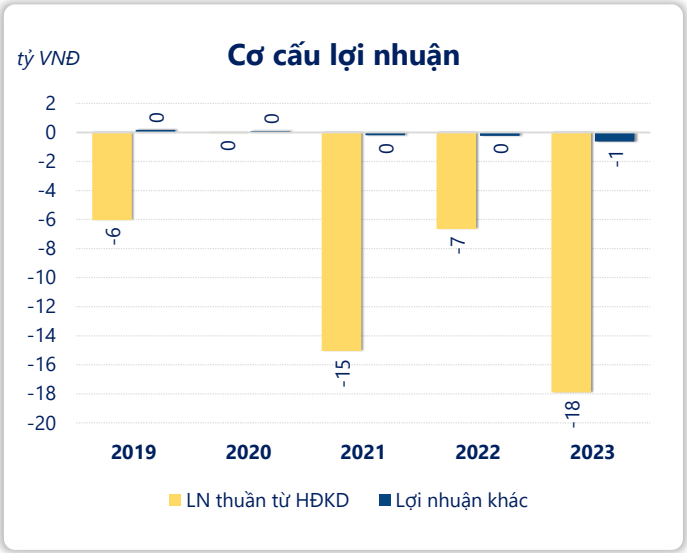
+/- YoY
▼ 7.4%

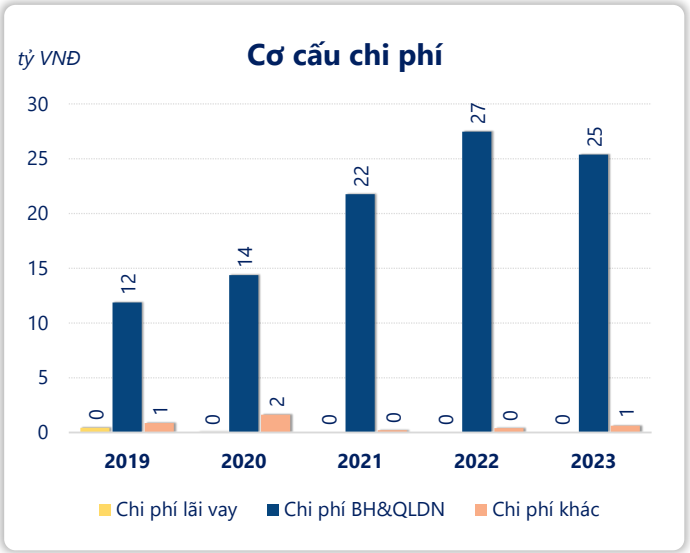
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **XPH** năm **2023**, doanh thu thuần **giảm mạnh 22.7%** chỉ còn **36.35** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 169%** chỉ còn **-18.52** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -11.5% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

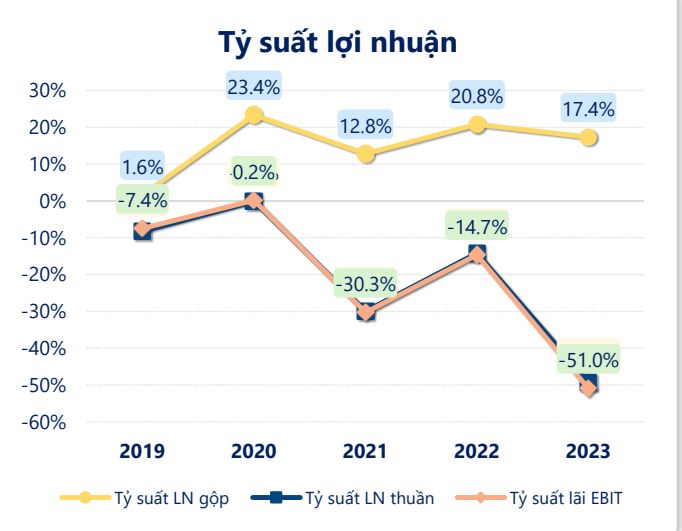


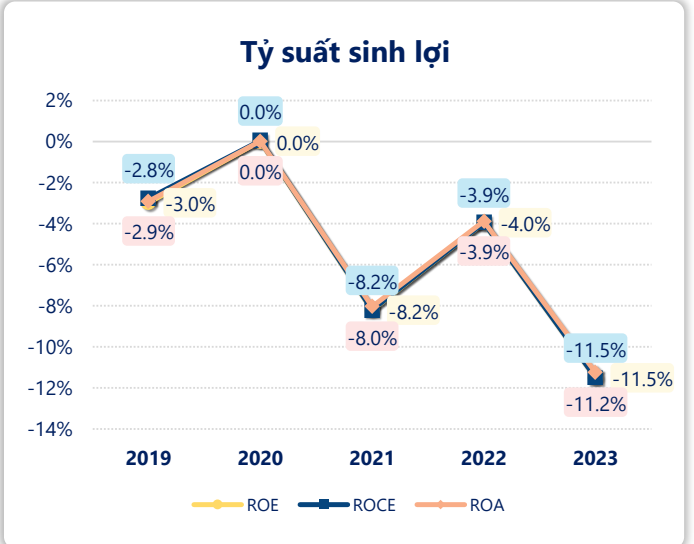


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **XPH** năm **2023 giảm đi 11.25** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 17.90 tỷ đồng. Đây là khoản **lỗ từ hoạt động kinh doanh lớn nhất 5 năm qua**. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

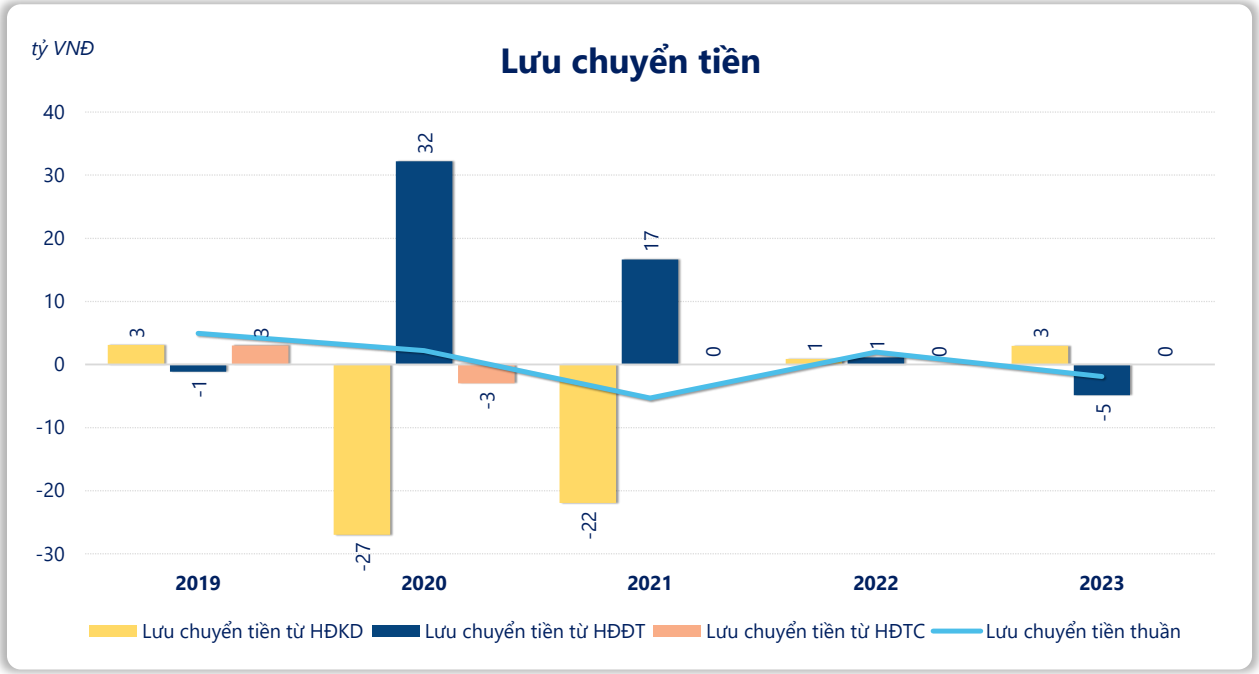
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm xuống** còn **25.36** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.63** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của XPH năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **-11.5%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**72.9**	**48.7**	**50.4**	**47.0**	**36.3**
Giá vốn hàng bán	71.7	37.3	43.9	37.2	30.0
Lợi nhuận gộp	**1.18**	**11.4**	**6.45**	**9.79**	**6.31**
Doanh thu HĐTC	5.10	2.97	0.23	11.0	1.16
Chi phí TC	0.43	0.04	0	0	0
Chi phí lãi vay	**0.43**	**0.04**	**0**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.61	4.51	6.91	7.43	6.11
Chi phí QLDN	9.26	9.85	14.8	20.0	19.2
LN thuần từ HĐKD	**-6.03**	**-0.05**	**-15.1**	**-6.65**	**-17.9**
Lợi nhuận khác	0.17	0.09	-0.20	-0.24	-0.62
LN trước thuế	**-5.86**	**0.04**	**-15.3**	**-6.89**	**-18.5**
Lợi nhuận sau thuế	**-5.86**	**0.04**	**-15.3**	**-6.89**	**-18.5**
LNST của CĐ cty mẹ	**-5.86**	**0.04**	**-15.3**	**-6.89**	**-18.5**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của XPH bằng **-1.91** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (1.98 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **2.97** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-4.88** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.